

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 20/12/2017
V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bàng Thị Hồng - Ông Nguyễn Văn Hạ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Xuân Chiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại Hội trường xét xử số 1 - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2017/TLST - HNGĐ ngày 07/8/2017 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34 ngày 07/12/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Trần Thị M, sinh năm 1979.

Nghề nghiệp: Công nhân – Công ty cổ phần than Cọc 6

Nơi ĐKKHKT: Tổ 51, khu Hải Sơn 1, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Trần Danh T, sinh năm 1977.

Nghề nghiệp: Công nhân – Công ty cổ phần than Cọc 6

Nơi ĐKKHKT: Tổ 51, khu Hải Sơn 1, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Trần Danh T kết hôn với nhau năm 1998, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại nhà chồng tại khu Hải Sơn 1, phường C, thành phố Cẩm Phả. Đến năm 2000 thì vợ chồng chuyển ra ở riêng tại tổ 6, khu Hải Sơn 1, phường C, thành phố Cẩm Phả cho đến nay.

Quá trình chung sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, cờ bạc, không chịu đi làm, không quan tâm đến gia đình, con cái, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, thường xuyên cãi chửi nhau ảnh hưởng đến gia đình và con nhỏ, vợ chồng đã tìm cách khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, chị M yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xem xét và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Danh T.

- Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Trần Danh T có 02 con chung là Trần Thị Huyền A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1999 và Trần Anh Th, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2008. Khi ly hôn, con chung Trần Thị Huyền A hiện đang học Đại học đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Anh T đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Trần Danh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Trần Danh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Danh T xác nhận về thời gian, hoàn cảnh kết hôn như phần trình bày của chị Trần Thị M là đúng. Cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn, nay vợ xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Anh Trần Danh T và chị Trần Thị M có 02 con chung là Trần Thị Huyền A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1999 và Trần Anh Th, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2008. Nếu phải ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 18/9/2017 có sự tham gia của ông Trần Duy K là trưởng khu Hải Sơn 1 và ông Bùi Gia V là tổ trưởng tổ 51 khu Hải Sơn 1 có nội dung như sau: Chị Trần Thị M và anh Trần Danh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, sinh sống tại 51, khu Hải Sơn 1, phường C, trong cuộc sống chung của vợ chồng chị M, anh T, tổ dân khu phố thấy hai vợ chồng có mâu thuẫn, anh T có chơi bời cờ bạc, gia đình vợ con có khuyên bảo anh T nhưng không đạt kết quả, nay chị M vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T. Tòa án hòa giải nếu anh chị M – T về đoàn tụ gia đình được thì tốt, còn không được thì đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T theo qui định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết đã tiến hành hòa giải lần 1 không thành, hòa giải lần 2 anh Trần Danh T không đến, đồng thời nguyên đơn chị Trần Thị M có đơn xin từ chối hòa giải thêm nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 07/12/2017 anh T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về quan hệ hôn nhân giữa Chị Trần Thị M và anh Trần Danh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh T chơi bời, cờ bạc, không chịu đi làm, không quan tâm đến gia đình, con cái, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, thường xuyên cãi chửi nhau ảnh

hưởng đến gia đình và con nhỏ, vợ chồng đã tìm cách khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai, còn anh T cho rằng vẫn còn thương yêu chị M đề nghị Tòa án cho anh một thời gian hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, Tòa án đã chấp nhận đề nghị trên của anh T và tiến hành hòa giải lần 2, nhưng anh T không hợp tác để Tòa án hòa giải. Trong một thời gian dài anh T không đưa ra đề nghị gì để cải thiện tình cảm vợ chồng để quay về đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thuyết phục và khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị M vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T, ngoài ra theo biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án ngày 18/9/2017, tổ dân, khu phố cung cấp thì có mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh T chơi bời cờ bạc, gia đình và vợ con đã khuyên giải nhưng không có kết quả, hiện tại tuy ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được chấp nhận.

3. Về con chung: Chị Trần Thị M và anh Trần Danh T có 02 con chung là Trần Thị Huyền A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1999 và Trần Anh Th, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2008. Hiện tại con chung Trần Thị Huyền A đã trưởng thành, còn con chung Trần Anh Th, chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai là cũng muốn nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung của anh chị. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy con chung Trần Anh Th con nhỏ, đang ở tuổi phát triển về tâm sinh lý nữ giới và nguyện vọng của cháu khai tại Tòa án mong muốn được ở cùng với mẹ, hơn nữa chị M có công việc và thu nhập ổn định, nên để cháu sống cùng với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển sau này của cháu, giao cho chị M nuôi con chung Trần Anh Th là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về công nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị M. Cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Trần Danh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Anh Th, sinh ngày 05/12/2008 đến đủ 18 tuổi, anh Trần Danh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009603 ngày 04/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án – 20/12/2017. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự
- UBND phường C;
- Lưu hồ sơ-Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Trọng